

最后更新20.09.2026 11:02:55

前排序表

序号		姓名	国棋ID	会	等分	性别	别	俱部/城市
1		Nguyễn, Huỳnh Tuấn Hải	12402923	VIE	2078			Storm Pawns
2		Võ, Đại Hoài Đức	12400033	VIE	1961		S35	Masters of Time
3		Nguyễn, Lê Nhật Quang	12442925	VIE	1946		U16	Cờ vua Hòa Hưng
4		Nguyễn, Tiến Dũng	12443247	VIE	1923		U16	Global Knights
5		Nguyễn, Đức Khải	12436224	VIE	1826		U12	Future Masters
6		Võ, Ngọc Minh Trí	12483230	VIE	1789		U12	Heavy Rooks
7		Nguyễn, Quang Huy	12478962	VIE	1758		U12	Future Masters
8		Nguyễn, Thành Long	12420921	VIE	1749			Cờ vua Hòa Hưng
9		Phạm, Gia Tường	12454060	VIE	1737		U16	Heavy Rooks
10		Trương, Phúc Nhật Nguyên	12450480	VIE	1736		U08	Super Kids
11		Phạm, Minh Hiếu	12417726	VIE	1732			Đồng Nai
12	AIM	Ngô, Thanh Tú	12426776	VIE	1718		S35	Masters of Time
13		Huỳnh, Thiên Ân	12471682	VIE	1714		U10	Boys love Chess
14	AFM	Lê, Hoàng Nhật Tuyên	12471917	VIE	1713		U16	Boys love Chess
15		Ngô, Minh Hằng	12426768	VIE	1701	w		Global Knights
16	ACM	Nguyễn, Trung Quân	12445479	VIE	1682		U12	Flying Bishops
17		Bùi, Đức Khang	12476820	VIE	1679		U12	Boys love Chess
18		Lê, Duy Cường	12443654	VIE	1559		S35	Bishop Legion
19	AIM	Vũ, Hạo Nhiên	12460796	VIE	1644		U08	Super Kids
20		Đào, Khánh Lâm	12445975	VIE	1633		U16	Bishop Legion
21		Nguyễn, Trầm Thiện Thắng	12470767	VIE	1608		U08	Royal Chess
22		Trần, Thiện Phúc	12432784	VIE	1599		U16	Đồng Nai
23		Nguyễn, Quốc Khánh	12484504	VIE	1575		S35	Masters of Time
24		Nguyễn, Phúc Hoàng	12432660	VIE	1566			Đồng Nai
25		Nguyễn, Quang Phúc	12449253	VIE	1554		U10	Flying Bishops
26		Đặng, Quang Vũ	12490717	VIE	1535		U06	Royal Chess
27		Nguyễn, Khánh Đăng	12439398	VIE	1523		U16	Heavy Rooks
28		Dương, Danh Phát	561008176	VIE	1522		U08	Cờ vua Thủ Đức
29		Đinh, Nguyễn Mạnh Hùng	12475254	VIE	1506		U08	Bishop Legion
30		Võ, Quang Minh	12485047	VIE	1484		U08	Super Kids
31		Lê, Nguyễn Minh Nghĩa	12476447	VIE	1481		U12	Cờ vua Thủ Đức
32		Đặng, Quang Vinh	12490709	VIE	1472		U10	Royal Chess
33		Lê, Tường Lam	12477800	VIE	1457	w	U10	Royal Chess
34		Trần, Thùy Anh	12483400	VIE	1456	w	U08	Flying Bishops
35		Nguyễn, Ngọc Như Ý	12476293	VIE	1450	w	U12	Cờ vua Thủ Đức
36		Nguyễn, Đàm Gia Khang	561006718	VIE	1447		U08	Storm Pawns
37		Phan, Khắc Hoàng Bách	12475165	VIE	1401		U12	Future Masters
38		Đỗ, Minh Thư	561024490	VIE	0	w	U08	Đồng Nai
39	AFM	Đỗ, Ngọc Minh Long	561013510	VIE	0		U10	Storm Pawns
40		Dương, Hải Bình	561000787	VIE	0		U10	Global Knights
41		Lê, Hoàng Xuân Hiếu	561011185	VIE	0		U08	Cờ vua Thủ Đức
42		Lê, Hồng Anh	12494682	VIE	0		U12	Bishop Legion
43		Lê, Hồng Vũ	12494674	VIE	0		U12	Bishop Legion
44		Lê, Huỳnh Anh	561024473	VIE	0		U08	Đồng Nai
45		Lý, Minh Anh	561007978	VIE	0	w	U10	Cờ vua Hòa Hưng
46		Nguyễn, Đăng Gia Nhi	561022420	VIE	0	w	U06	Cờ vua Hòa Hưng
47		Trình, Minh Anh	12488747	VIE	0	w	U06	Cờ vua Hòa Hưng
48		Vũ, Hoàng Đức	561000868	VIE	0		U08	Cờ vua Hòa Hưng

你找到次比所有数据在 <https://chess-results.com/tnr1477662.aspx?lan=33>

国象棋比成服器: Chess-Results